

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2018/DS-ST.

Ngày: 11/6/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Vạn.

2- Ông Trần Văn Hào.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải -Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 640/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2018/QĐST-DS ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thu N**;

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:

Ngày 16/12/2013 bà có cho bà Trần Thị Thu N vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), không lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 06/4/2015 bà N có viết cho bà tờ giấy xác nhận. Từ khi vay tiền đến nay bà N chưa trả cho bà số tiền nào. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N phải hoàn trả lại cho bà số tiền trên nhưng bà N cố tình né tránh, nhiều lúc còn thách thức bà đi kiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Thu N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thu N trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu N trả nợ vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Trần Thị Thu N. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Q yêu cầu bà Trần Thị Thu N phải trả số tiền đã vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên

vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[2.2]. Theo lời trình bày của bà Q thì chứng cứ mà bà đưa ra để yêu cầu bà N trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là bản sao tờ giấy đề ngày 06/4/2015 do bà N viết và ký tên, có nội dung thể hiện bà N mượn bà số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (Bút lục số 32). Bà N xác định bà không còn lưu giữ bản chính tờ giấy này nên không thể cung cấp cho Tòa án để đối chiếu.

Theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định về Nghĩa vụ chứng minh:

1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ: Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Từ những quy định nêu trên, đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[3]. Về án phí: Bà Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 95; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu N trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Lê Thị Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0030689 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Châu